TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **58**/2024/QĐCNTTLH	*Thanh Ba, ngày 25 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Bùi Thị D và anh Lê Quốc T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 30/4/2024 về việc yêu cầu ly hôn của người khởi kiện là chị Bùi Thị D.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 6 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện*: Chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hoà Bình.

+ *Người bị kiện:* Anh **Lê Quốc T**; sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Khu 1, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 6 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị D và anh Lê Quốc T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị D và anh Lê Quốc T xác nhận có 01 con chung là Lê Hà M, sinh ngày 02/3/2017 (Hiện cháu M đang ở với chị D). Khi ly hôn, chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hà M, cho đến khi con chung

thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công sức đóng góp cho gia đình:* Chị D và anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị D và anh T tự thoả thuận về nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của Pháp luật về thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

THẨM PHÁN

Trần Đình Xuân